VN80.00623

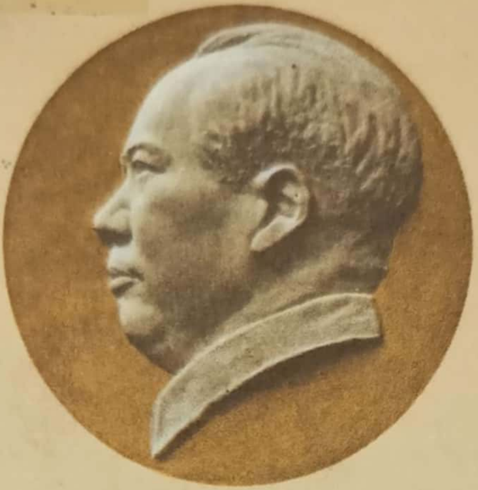

MAO TRẠCH ĐÔNG

BÀN VỀ MƯỜI QUAN HỆ LỚN

9(N414)73

MAO TRẠCH ĐÔNG

BÀN VỀ MƯỜI QUAN HỆ LỚN

(Ngày 25 tháng 4 năm 1956)

VN 623/80

NHÀ XUẤT BẢN NGOẠI VĂN
BẮC KINH

Xuất bản lần thứ nhất 1977

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách *«Bàn về mười quan hệ lớn»* này dịch từ bản Trung văn do Nhà xuất bản Nhân dân Bắc Kinh xuất bản tháng 12 năm 1976.

In tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Đây là bài diễn văn của đồng chí Mao Trạch Đông đọc tại Hội nghị mở rộng Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong bài này, đồng chí Mao Trạch Đông đã rút những bài học kinh nghiệm ở Liên Xô, tổng kết kinh nghiệm của nước ta, trình bầy mười quan hệ lớn trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đưa ra tư tưởng cơ bản của đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều nhanh tốt rẻ thích hợp với tình hình cụ thể ở nước ta.

MỤC LỤC

I.	QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHIỆP NẶNG VỚI CÔNG NGHIỆP NHẸ VÀ NÔNG NGHIỆP	2
II.	QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHIỆP Ở VEN BIỂN VÀ CÔNG NGHIỆP NỘI ĐỊA	4
III.	QUAN HỆ GIỮA XÂY DỰNG KINH TẾ VÀ XÂY DỰNG QUỐC PHÒNG	6
IV.	QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ CÁ NHÂN NGƯỜI SẢN XUẤT	8
V.	QUAN HỆ GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	12
VI.	QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC HÁN VÀ DÂN TỘC ÍT NGƯỜI	16
VII.	QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NGOÀI ĐẢNG	18
VIII.	QUAN HỆ GIỮA CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG	20
IX.	QUAN HỆ GIỮA PHẢI VÀ TRÁI	24
X.	QUAN HỆ GIỮA TRUNG QUỐC VỚI NƯỚC NGOÀI	27

Mấy tháng qua, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nghe 34 ngành công nghiệp, nông nghiệp, vận tải, thương nghiệp, tài chính v.v. thuộc Trung ương báo cáo công tác, qua đó đã thấy được một số vấn đề liên quan tới công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Quy kết lại, gồm mười vấn đề, cũng tức là mười quan hệ lớn.

Nêu ra mười vấn đề này đều xoay quanh một phương châm cơ bản là phải động viên mọi nhân tố tích cực trong và ngoài nước nhằm phục vụ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trước kia để chấm dứt ách thống trị của đế quốc, phong kiến và tư bản quan liêu, giành thắng lợi cho cách mạng dân chủ nhân dân, chúng ta đã thi hành phương châm động viên mọi nhân tố tích cực. Hiện nay để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa, cũng phải thi hành phương châm này. Song, trong công tác của chúng ta còn có một số vấn đề cần phải bàn đến. Điều đặc biệt đáng chú ý là, gần đây trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở Liên Xô đã bộc lộ một số khuyết điểm và sai lầm, chẳng lẽ anh còn muốn men theo con đường lệch lạc của họ ư? Trước kia, nhờ những bài học kinh nghiệm của họ, chúng ta đã tránh được một số sai lệch, hiện nay dĩ nhiên càng phải lấy đó làm điều răn.

Thế nào là nhân tố tích cực trong và ngoài nước? Ở trong nước, công nhân và nông dân là lực lượng cơ bản. Thế lực trung gian là lực lượng có thể tranh thủ được. Tuy thế

lực phản động là một nhân tố tiêu cực, song, chúng ta vẫn phải làm tốt công tác, tận khả năng tranh thủ biến nhân tố tiêu cực thành nhân tố tích cực. Trên trường quốc tế, phải đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, thế lực không phải trung lập có thể tranh thủ thành trung lập, thế lực phản động cũng có thể phân hóa và lợi dụng. Tóm lại, chúng ta phải động viên mọi lực lượng trực tiếp và gián tiếp, phấn đấu nhằm xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường.

Sau đây tôi xin trình bày mười vấn đề.

I. QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHIỆP NẶNG VỚI CÔNG NGHIỆP NHẸ VÀ NÔNG NGHIỆP

Công nghiệp nặng là trọng điểm xây dựng của nước ta. Phải ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất, điều đó đã được xác định. Song, quyết không thể vì thế mà coi nhẹ việc sản xuất tư liệu sinh hoạt, nhất là lương thực. Nếu lương thực và các mặt hàng nhu yếu phẩm khác không đầy đủ, thì trước hết sinh hoạt của công nhân không được đảm bảo, còn nói gì đến việc phát triển công nghiệp nặng? Vì vậy, phải xử lý tốt quan hệ giữa công nghiệp nặng với công nghiệp nhẹ và nông nghiệp.

Trong khi xử lý quan hệ giữa công nghiệp nặng với công nghiệp nhẹ và nông nghiệp, chúng ta không có phạm sai lầm về nguyên tắc. So với Liên Xô và một số nước Đông Âu, chúng ta làm tốt hơn. Ví dụ như vấn đề sản lượng lương thực ở Liên Xô trải qua một thời gian dài vẫn không đạt tới mức cao

nhất trước cách mạng, và tại một số nước Đông Âu đã xảy ra vấn đề nghiêm trọng do công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng phát triển rất không cân đối, ở nước ta đều không tồn tại những vấn đề đó. Họ coi trọng một cách phiến diện công nghiệp nặng, mà coi nhẹ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, cho nên trên thị trường hàng hóa thiếu thốn, tiền tệ không ổn định. Chúng ta tương đối coi trọng nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Chúng ta luôn luôn nắm khâu nông nghiệp và phát triển nông nghiệp, đã bảo đảm cung cấp khá đủ lương thực và nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp phát triển. Các mặt hàng tiêu dùng hằng ngày của chúng ta tương đối dồi dào, giá cả và tiền tệ ổn định.

Vấn đề hiện nay của chúng ta là, phải tiếp tục điều chỉnh thích đáng tỷ lệ đầu tư giữa công nghiệp nặng, nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, phát triển hơn nữa nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Như vậy, phải chăng công nghiệp nặng không đóng vai trò chủ yếu nữa? Công nghiệp nặng vẫn là chủ yếu, vẫn là trọng điểm đầu tư. Song, tỷ lệ đầu tư vào nông nghiệp và công nghiệp nhẹ phải tăng thêm đôi chút.

Tăng thêm thì kết quả sẽ ra sao? Kết quả là: một có thể đáp ứng càng tốt hơn nữa nhu cầu về đời sống của nhân dân, hai có thể tăng thêm vốn tích lũy nhanh hơn nữa, do đó có thể phát triển công nghiệp nặng càng nhiều càng nhanh hơn nữa. Công nghiệp nặng cũng có thể tích lũy, nhưng, với điều kiện kinh tế hiện nay của chúng ta, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp tích lũy càng nhiều càng nhanh hơn.

Ở đây nảy sinh ra một vấn đề, đối với việc phát triển công nghiệp nặng, anh có thật muốn hay không, thiết tha muốn hay

chỉ hơi muốn thôi? Nếu anh không thật muốn, hoặc chỉ hơi muốn thôi, thì anh sẽ chèn ép nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, đầu tư ít cho hai ngành đó. Nếu anh thật muốn và thiết tha muốn, thì anh sẽ coi trọng nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, làm cho lương thực và nguyên liệu công nghiệp nhẹ càng nhiều hơn, tích lũy càng nhiều hơn, và sau này số vốn đầu tư vào công nghiệp nặng cũng sẽ nhiều hơn.

Hiện nay chúng ta có hai biện pháp phát triển công nghiệp nặng, một là phát triển ít nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, một là phát triển nhiều nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Xét về lâu dài, biện pháp thứ nhất sẽ làm cho công nghiệp nặng phát triển ít và chậm hơn, ít nhất cơ sở không được vững lắm, mấy chục năm sau tính số chung, không có lợi. Biện pháp thứ hai sẽ làm cho công nghiệp nặng phát triển nhiều và nhanh hơn, hơn nữa do nhu cầu đời sống nhân dân đã được đảm bảo, cơ sở phát triển công nghiệp nặng sẽ càng vững chắc hơn.

II. QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHIỆP Ở VEN BIỂN VÀ CÔNG NGHIỆP NỘI ĐỊA

Trước kia công nghiệp của nước ta tập trung ở ven biển. Miền ven biển là chỉ Liêu Ninh, Hà Bắc, Bắc Kinh, Thiên Tân, miền đông Hà Nam, Sơn Đông, An Huy, Giang Tô, Thượng Hải, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây. Toàn bộ công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng của nước ta khoảng 70 % ở ven biển, chỉ có 30 % ở nội địa. Đó là tình trạng không hợp lý do lịch sử để lại. Phải tận dụng những cơ sở công

nghiệp ở ven biển, song, để cân đối bố cục phát triển công nghiệp, phải phát triển mạnh công nghiệp nội địa. Trong vấn đề xử lý quan hệ giữa hai miền đó, chúng ta cũng không phạm sai lầm lớn, chỉ có trong mấy năm gần đây, đánh giá công nghiệp ven biển chưa được đúng mức, và chưa thật coi trọng sự phát triển của nó. Tình trạng đó phải thay đổi.

Trước kia Triều Tiên còn chiến tranh, tình hình quốc tế còn rất căng thẳng, điều đó không thể không ảnh hưởng đến cách nhìn của chúng ta đối với công nghiệp ven biển. Hiện nay, dự đoán trong thời gian ngắn không thể xảy ra chiến tranh xâm lược mới đối với Trung Quốc và chiến tranh thế giới mới, có lẽ có một thời kỳ hòa bình 10 năm hoặc càng lâu hơn nữa. Như vậy, nếu vẫn không tận dụng những khả năng thiết bị và lực lượng kỹ thuật của công nghiệp ở ven biển thì không đúng. Đừng nói chỉ 10 năm, dù chỉ có 5 năm, chúng ta cũng phải cố gắng xây dựng công nghiệp ở ven biển trong 4 năm, tới năm thứ 5 xảy ra chiến tranh hãy di chuyển. Xét theo số liệu hiện có, thì các nhà máy công nghiệp nhẹ, nói chung xây dựng và tích lũy đều rất nhanh, sau khi toàn bộ đi vào sản xuất, trong vòng 4 năm, ngoài việc thu hồi số vốn đầu tư xây dựng nhà máy ra, còn có thể lợi được gấp bốn, gấp ba, gấp đôi, ít nhất cũng được gấp rưỡi. Việc có lợi như vậy tại sao không làm? Cho rằng bom nguyên tử đã ở trên đầu chúng ta, trong giây lát là nổ ngay lập tức, đánh giá tình hình như vậy là không phù hợp với sự thật, và do đó mà có thái độ tiêu cực đối với công nghiệp ở ven biển là không đúng.

Nói như thế không có nghĩa là nhà máy mới đều phải xây ở vùng ven biển. Các ngành công nghiệp mới phần lớn phải

xây trong nội địa, làm cho bố cục công nghiệp cân đối dần, và có lợi cho việc chuẩn bị đối phó với chiến tranh, điều đó không thể nghi ngờ gì nữa. Song, ở ven biển cũng có thể xây dựng những nhà máy và hầm mỏ mới, cũng có thể xây dựng một số nhà máy và hầm mỏ cỡ lớn. Về mở rộng và xây dựng lại các cơ sở công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng sẵn có ở ven biển, trước kia đã làm qua một ít, sau này còn phải phát triển mạnh mẽ.

Lợi dụng và phát triển thật tốt những cơ sở công nghiệp sẵn có ở ven biển, có thể làm cho chúng ta có càng nhiều lực lượng để phát triển và chi viện công nghiệp nội địa. Nếu giữ thái độ tiêu cực, sẽ trở ngại tốc độ phát triển công nghiệp nội địa. Cho nên đây cũng là vấn đề có thật muốn phát triển công nghiệp nội địa hay không. Nếu thật muốn chứ không phải không muốn thì phải lợi dụng và phát triển hơn nữa công nghiệp ở ven biển, nhất là công nghiệp nhẹ.

III. QUAN HỆ GIỮA XÂY DỰNG KINH TẾ VÀ XÂY DỰNG QUỐC PHÒNG

Không thể không có quốc phòng. Hiện nay, chúng ta đã có lực lượng quốc phòng nhất định. Trải qua cuộc chiến tranh giúp Triều, chống Mỹ và mấy năm chỉnh huấn, quân đội ta đã được tăng cường, và lớn mạnh hơn Hồng quân Liên Xô trước đại chiến thế giới thứ hai, trang bị cũng có phần cải tiến. Công nghiệp quốc phòng của chúng ta đang được xây dựng. Từ thuở bàn cổ khai thiên lập địa tới nay, chúng ta chẳng biết chế tạo máy bay và ô tô, bây giờ đã bắt đầu chế tạo được.

Hiện nay chúng ta còn chưa có bom nguyên tử. Song, trước kia chúng ta cũng không có máy bay và đại bác, chúng ta đã đánh thắng đế quốc Nhật và Tưởng Giới Thạch bằng cơm kê và súng trường. Hiện nay chúng ta đã mạnh hơn trước kia, sau này còn sẽ mạnh hơn hiện nay, không những phải có càng nhiều máy bay và đại bác, mà còn phải có bom nguyên tử nữa. Trên thế giới ngày nay, muốn người ta không bắt nạt, thì chúng ta phải có những thứ đó. Vậy làm thế nào? Biện pháp chắc chắn là giảm chi phí quân sự và hành chính xuống tới một tỷ lệ thích đáng, tăng thêm chi phí xây dựng kinh tế. Chỉ khi nào công cuộc xây dựng kinh tế phát triển được càng nhanh, thì công cuộc xây dựng quốc phòng mới có thể tiến bộ càng lớn.

Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 7 họp năm 1950, chúng ta đã nêu ra vấn đề tinh giản bộ máy Nhà nước, giảm bớt chi phí quân sự và hành chính, cho rằng đó là một trong ba điều kiện làm cho tình hình kinh tế tài chính nước ta chuyển biến tốt về căn bản. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chi phí quân sự và hành chính chiếm 30 % toàn bộ ngân sách dự chi Nhà nước. Tỷ trọng này lớn quá. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ hai, phải giảm tới khoảng 20 %, rút nhiều vốn ra để xây thêm một số nhà máy và chế tạo thêm một số máy móc. Trải qua một thời gian, chúng ta không những có nhiều máy bay và đại bác, mà còn có thể có cả bom nguyên tử của mình nữa.

Ở đây cũng nảy sinh một vấn đề, anh có thật muốn và thiết tha muốn có bom nguyên tử, hay là chỉ hơi muốn, chứ không thiết tha gì mấy? Nếu anh thật muốn và thiết tha muốn, thì

anh sẽ giảm tỷ trọng chi phí quân sự và hành chính xuống, bỏ nhiều vốn vào xây dựng kinh tế. Nếu anh không thật muốn và không thiết tha muốn, thì anh vẫn làm theo nề nếp cũ. Đây là vấn đề phương châm chiến lược, đề nghị Quân ủy Trung ương bàn bạc.

Hiện nay chúng ta giảm hết quân đội có được không? Không được. Bởi vì còn có kẻ thù, chúng ta vẫn bị kẻ thù hiếp đáp và bao vây. Chúng ta nhất định phải tăng cường quốc phòng, vì vậy, trước hết nhất định phải tăng cường xây dựng kinh tế.

IV. QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ CÁ NHÂN NGƯỜI SẢN XUẤT

Hai mối quan hệ giữa Nhà nước với nhà máy và hợp tác xã, quan hệ giữa nhà máy, hợp tác xã với cá nhân người sản xuất, đều phải xử lý cho tốt. Bởi thế, không thể chỉ chiếu cố một phía, mà phải chiếu cố cả ba phía Nhà nước, tập thể và cá nhân, cũng tức là trước đây chúng ta thường nói "chiếu cố cả quân lẫn dân", "chiếu cố cả công lẫn tư". Theo kinh nghiệm của Liên Xô và của bản thân chúng ta, sau này nhất quyết phải giải quyết tốt hơn nữa vấn đề này.

Lấy công nhân mà nói, năng suất lao động của công nhân đã nâng cao, thì điều kiện lao động và phúc lợi tập thể của họ phải được cải thiện từng bước. Xưa nay chúng ta vẫn đề xướng phấn đấu gian khổ, phản đối đặt lợi ích vật chất cá nhân lên trên hết, đồng thời xưa nay chúng ta cũng đề xướng quan tâm

đến đời sống quần chúng, phản đối chủ nghĩa quan liêu không quan tâm đến nỗi đau khổ của quần chúng. Theo đà phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tiền lương cũng phải điều chỉnh thích đáng. Về tiền lương, gần đây quyết định tăng thêm chút ít, chủ yếu tăng ở lớp dưới, tăng ở diện công nhân, để thu hẹp sự chênh lệch giữa trên và dưới. Tiền lương của chúng ta nói chung chưa cao, nhưng vì số người có công ăn việc làm đông thêm, vì vật giá thấp và ổn định, cộng thêm nhiều điều kiện khác, đời sống của công nhân đã được cải thiện rất nhiều so với trước. Dưới chính quyền vô sản, giác ngộ chính trị và tính tích cực lao động của công nhân trước nay vẫn rất cao. Cuối năm ngoái, Trung ương kêu gọi chống hữu khuynh bảo thủ, quần chúng công nhân ủng hộ nhiệt liệt, phấn đấu trong 3 tháng, hoàn thành vượt mức kế hoạch quý một năm nay một cách phá kỷ lục. Chúng ta phải phát huy mạnh mẽ tinh thần phấn đấu gian khổ đó, và cũng phải chú ý hơn nữa giải quyết những vấn đề bức thiết trong lao động cũng như đời sống của họ.

Ở đây còn phải nói tới vấn đề tính độc lập của nhà máy dưới sự lãnh đạo thống nhất. Cái gì cũng tập trung ở Trung ương hoặc ở tỉnh và thành phố, không cho nhà máy một ít quyền lực, một tí cơ động, một tí lợi ích nào, e rằng không ổn. Quyền và lợi ích giữa Trung ương, tỉnh, thành phố và nhà máy cần phải bao nhiêu mới thích đáng, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm, còn phải nghiên cứu thêm. Theo nguyên tắc, tính thống nhất và tính độc lập là sự thống nhất của các mặt đối lập, phải có tính thống nhất, cũng phải có tính độc lập. Ví dụ bây giờ chúng ta đang họp là tính thống nhất, sau khi tan cuộc họp,

có người đi bách bộ, có người đọc sách, có người ăn cơm, đó là tính độc lập. Nếu sau giờ họp chúng ta không cho mỗi người có tính độc lập, cứ họp liền tù tì, há chẳng làm cho tất cả mọi người đều chết sạch đấy ư? Cá nhân là như vậy, nhà máy và các đơn vị sản xuất khác cũng như vậy. Các đơn vị sản xuất đều phải có tính độc lập gắn liền với tính thống nhất, thì mới được phát triển sôi nổi hơn.

Hãy nói đến nông dân. Xưa nay quan hệ giữa chúng ta với nông dân đều rất tốt, nhưng trong vấn đề lương thực, chúng ta đã phạm một sai lầm. Năm 1954, nước ta có một số vùng bị giảm sản lượng vì nạn lụt, nhưng ngoài kế hoạch, chúng ta lại thu mua thêm 3 triệu 50 vạn tấn lương thực. Giảm sản lượng mà lại thu mua thêm như vậy, làm cho mùa xuân năm ngoái tại nhiều nơi hầu như người nào cũng bàn tán đến chuyện lương thực, gia đình nào cũng bàn tán đến chuyện thống nhất bán lương thực. Nông dân có ý kiến, trong và ngoài Đảng cũng có nhiều ý kiến. Tuy có nhiều người cố tình khuếch đại, thừa cơ công kích, nhưng không thể nói chúng ta không có khuyết điểm. Điều tra không đầy đủ, không nắm rõ tình hình, ngoài kế hoạch thu mua thêm 3 triệu 50 vạn tấn, đó là khuyết điểm. Phát hiện khuyết điểm, năm 1955, chúng ta đã giảm mua 3 triệu 50 vạn tấn và lại đặt ra "ba định", tức là định mức sản lượng, định mức thu mua, định mức bán ra, cộng thêm được mùa, tăng sản lượng mà thu mua giảm bớt, khiến trong tay nông dân dôi ra hơn 10 triệu tấn lương thực. Như vậy, những nông dân có ý kiến trước đây cũng đã nói: "Đảng Cộng sản tốt thật." Toàn Đảng phải ghi nhớ bài học này.

Biện pháp của Liên Xô làm cho nông dân rất khổ. Họ dùng biện pháp gọi là nộp và bán lương thực nghĩa vụ chẳng hạn, vơ vét của dân quá nhiều mà trả với giá rất rẻ. Họ dùng cách này để tích lũy tiền vốn, làm tổn thương rất nhiều đến tính tích cực sản xuất của nông dân. Anh muốn gà mái đẻ nhiều trứng, mà không cho nó ăn gạo, muốn ngựa phi nhanh, mà không cho ngựa ăn cỏ. Trên đời làm gì có cái chuyện như vậy.

Chính sách của chúng ta đối với nông dân không phải như chính sách của Liên Xô, mà là chiếu cố cả lợi ích của Nhà nước lẫn nông dân. Thuế nông nghiệp của chúng ta trước nay đều tương đối nhẹ. Về trao đổi hàng công nông nghiệp, chúng ta áp dụng chính sách thu hẹp lại sự chênh lệch cánh kéo, trao đổi ngang giá hoặc gần như ngang giá. Chúng ta thu mua nông sản phẩm theo giá bình thường, nông dân không bị thiệt, hơn nữa giá thu mua còn tăng dần. Về cung cấp hàng công nghiệp cho nông dân, chúng ta áp dụng chính sách bán nhiều lãi ít, ổn định giá cả hoặc hạ giá thích đáng, về cung cấp lương thực cho nông dân ở những vùng thiếu lương thực, nói chung có phụ cấp chút ít. Mặc dù như vậy, nhưng nếu không cẩn thận, cũng vẫn phạm sai lầm này hoặc sai lầm khác. Xét thấy Liên Xô đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong vấn đề này, chúng ta cần phải chú ý hơn nữa việc xử lý cho tốt quan hệ giữa Nhà nước với nông dân.

Quan hệ giữa hợp tác xã với nông dân cũng phải xử lý cho tốt. Trong số thu nhập của hợp tác xã, Nhà nước lấy bao nhiêu, hợp tác xã lấy bao nhiêu, nông dân lấy bao nhiêu, và lấy bằng cách nào, đều phải quy định cho thích đáng. Phần

thu nhập dành cho hợp tác xã, đều phải trực tiếp phục vụ nông dân. Chi phí sản xuất đã đành, chi phí quản lý cũng cần thiết. Quỹ tích lũy là dùng vào tái sản xuất mở rộng, quỹ công ích dùng vào việc phúc lợi của nông dân. Nhưng, các khoản này mỗi khoản chiếm bao nhiêu, phải bàn bạc với nông dân để đặt ra một tỷ lệ hợp lý. Chi phí sản xuất và chi phí quản lý đều phải cố gắng tiết kiệm. Quỹ tích lũy và quỹ công ích cũng phải có sự khống chế, không thể mong rằng mọi việc tốt đều làm xong trong một năm.

Trừ trường hợp thiên tai nghiêm trọng đặc biệt, trên cơ sở tăng gia sản xuất nông nghiệp, chúng ta phải tranh thủ 90 % xã viên năm nào thu nhập cũng tăng hơn năm trước, 10 % xã viên thu nhập không tăng không giảm, nếu có giảm sút, cũng phải sớm tìm cách giải quyết.

Tóm lại, Nhà nước với nhà máy, Nhà nước với công nhân, nhà máy với công nhân, Nhà nước với hợp tác xã, Nhà nước với nông dân, hợp tác xã với nông dân, đều phải chiếu cố cả, không thể chỉ chiếu cố một bên. Chỉ chiếu cố bất cứ bên nào, cũng đều bất lợi cho chủ nghĩa xã hội, bất lợi cho chuyên chính vô sản. Đây là một vấn đề lớn liên quan tới 600 triệu dân, phải giáo dục thường xuyên trong toàn Đảng và toàn dân.

V. QUAN HỆ GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Quan hệ giữa Trung ương và địa phương cũng là một mâu thuẫn. Giải quyết mâu thuẫn này, hiện nay phải lưu ý

là: trong điều kiện củng cố sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương, phải mở rộng chút ít quyền lực của địa phương, dành cho địa phương nhiều hơn nữa tính độc lập, để địa phương làm được càng nhiều việc. Điều đó tương đối có lợi cho chúng ta xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa hùng cường. Nước ta lớn như vậy, dân đông như vậy, tình hình phức tạp như vậy, có hai tính tích cực của Trung ương và của địa phương tốt hơn nhiều so với chỉ có một tính tích cực. Chúng ta không thể làm như Liên Xô, cái gì cũng tập trung ở Trung ương, không nới tay chút nào cho địa phương, không cho địa phương có chút quyền cơ động nào cả.

Trung ương phải phát triển công nghiệp, địa phương cũng phải phát triển công nghiệp. Ngay cả công nghiệp trực thuộc Trung ương, cũng phải nhờ vào sự giúp đỡ của địa phương. Còn nông nghiệp và thương nghiệp, càng phải dựa vào địa phương. Tóm lại, muốn phát triển công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì phải phát huy tính tích cực của địa phương. Muốn củng cố sự lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung ương, thì phải chú ý đến lợi ích của địa phương.

Hiện nay mấy chục cánh tay thọc xuống địa phương, làm cho địa phương khó lòng xử lý công việc. Thành lập một bộ thì phải làm cách mạng, làm cách mạng thì phải ra mệnh lệnh. Các bộ không thể ra lệnh cho tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh, thế là đặt quan hệ với ty, sở của tỉnh và thành phố, rồi ngày nào cũng ra lệnh cho ty và sở. Mặc dù Trung ương Đảng và Quốc vụ viện không biết gì đến những mệnh lệnh đó, nhưng đều bảo là của Trung ương, gây sức ép cho địa phương rất mạnh. Giấy tờ đầy dẫy, ngập ngụa tràn lan. Tình trạng này phải sửa chữa.

623

Chúng ta phải đề xướng tác phong bàn bạc công việc với địa phương. Trung ương Đảng xử lý công việc bao giờ cũng bàn với địa phương, chưa bàn với địa phương không bao giờ ra lệnh liều. Về mặt này, mong các bộ ở Trung ương đều lưu ý đúng mức, phàm những việc liên quan tới địa phương, đều phải bàn trước với địa phương, bàn xong xuôi rồi mới ra lệnh.

Các bộ của Trung ương có thể chia ra hai loại. Một loại bộ có thể trực tiếp lãnh đạo đến xí nghiệp, những cơ quan quản lý và xí nghiệp của các bộ này đặt ở địa phương, do địa phương giám sát; một loại bộ khác có nhiệm vụ đề ra phương châm chỉ đạo, đặt quy hoạch công tác, công việc do địa phương làm, vấn đề do địa phương giải quyết.

Xử lý tốt quan hệ giữa Trung ương và địa phương, đó là một vấn đề hết sức quan trọng đối với một nước lớn, một đảng lớn như nước ta, Đảng ta. Có những nước tư bản cũng rất chú ý vấn đề này. Chế độ của họ khác hẳn với chế độ của chúng ta, nhưng kinh nghiệm phát triển của họ, vẫn đáng để cho chúng ta nghiên cứu. Theo kinh nghiệm của chúng ta hồi mới dựng nước, thi hành chế độ chia ra những khu lớn là cần thiết, nhưng cũng có khuyết điểm, tập đoàn chống Đảng Cao Cương—Nhiêu Thấu Thạch xảy ra sau đó, ít nhiều đã lợi dụng khuyết điểm này. Về sau quyết định thủ tiêu các khu lớn, và đưa các tỉnh trực thuộc Trung ương, đó là đúng. Nhưng do đó mà đi tới chỗ thủ tiêu tính độc lập cần thiết của địa phương, kết quả cũng không tốt lắm. Hiến pháp của chúng ta quy định, quyền lập pháp tập trung ở Trung ương. Nhưng với điều kiện không làm trái với phương châm của Trung ương, các địa phương

có thể đặt ra những điều lệ, thể lệ, biện pháp theo tình hình và nhu cầu công tác của mình, hiến pháp không ràng buộc. Chúng ta cần có thống nhất, cũng cần có riêng biệt. Để xây dựng một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường, phải có sự lãnh đạo thống nhất mạnh mẽ của Trung ương, phải có kế hoạch thống nhất và kỷ luật thống nhất của toàn quốc, không cho phép phá hoại sự thống nhất cần thiết đó. Đồng thời lại phải phát huy đầy đủ tính tích cực của địa phương, các địa phương đều phải có cái riêng biệt thích hợp với tình hình địa phương. Sự riêng biệt này không phải kiểu riêng biệt của Cao Cương, mà là sự riêng biệt vì lợi ích của toàn cục, và cần thiết cho việc tăng cường sự thống nhất của toàn quốc.

Còn vấn đề quan hệ giữa địa phương với địa phương, ở đây chủ yếu chỉ vấn đề quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới ở địa phương. Các tỉnh và thành phố có ý kiến với các bộ ở Trung ương, thế thì chuyên khu, huyện, khu và xã không có ý kiến với tỉnh và thành phố hay sao? Trung ương phải chú ý phát huy tính tích cực của tỉnh và thành phố, các tỉnh và thành phố cũng phải chú ý phát huy tính tích cực của chuyên khu, huyện, khu và xã, không được gò bó quá. Tất nhiên, cũng phải nói cho các đồng chí ở dưới biết, những việc gì phải thống nhất, không được làm ẩu. Tóm lại, việc gì có thể và nên thống nhất, thì cần phải thống nhất, việc gì không thể và không nên thống nhất, thì đừng có gắng gượng thống nhất. Các tỉnh, thành phố, chuyên khu, huyện, khu và xã đều phải có và đều nên tranh thủ tính độc lập chính đáng và quyền lợi chính đáng. Xuất phát từ lợi ích của cả nước, chứ không phải xuất phát từ lợi ích bản

vị mà tranh quyền, không thể gọi là chủ nghĩa địa phương, không thể gọi là đòi biệt lập.

Quan hệ giữa tỉnh với tỉnh, giữa thành phố với thành phố, cũng là quan hệ giữa địa phương với địa phương, cũng phải xử lý cho tốt. Nguyên tắc xưa nay của chúng ta là đề xướng chiếu cố toàn cục, tương trợ và nhân nhượng lẫn nhau.

Trong vấn đề giải quyết quan hệ giữa Trung ương với địa phương, giữa địa phương với địa phương, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm, và kinh nghiệm chưa được chín chắn, mong các đồng chí nghiên cứu và thảo luận kỹ và qua một thời gian thì tổng kết kinh nghiệm, phát huy thành tích, khắc phục khuyết điểm.

VI. QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC HÁN VÀ DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

Về quan hệ giữa dân tộc Hán và dân tộc ít người, chính sách của chúng ta tương đối ổn thỏa và tương đối được các dân tộc ít người tán thành. Chúng ta chú trọng chống chủ nghĩa đại Hán tộc. Chủ nghĩa dân tộc địa phương cũng phải chống, song nói chung không phải là trọng điểm.

Dân tộc ít người ở nước ta, dân số ít nhưng chiếm một vùng đất đai rộng lớn. Nói về dân số, dân tộc Hán chiếm 94 %, giữ ưu thế áp đảo. Nếu người Hán thi hành chủ nghĩa đại Hán tộc, khinh rẻ dân tộc ít người, thì rất không tốt. Nhưng đất đai ai nhiều hơn? Dân tộc ít người nhiều hơn, họ chiếm từ 50 % đến 60 %. Chúng ta nói, Trung Quốc đất rộng, của nhiều,

người đông, thực tế là dân tộc Hán "người đông", dân tộc ít người "đất rộng, của nhiều", ít ra cũng rất có thể là dân tộc ít người có nhiều tài nguyên trong lòng đất.

Các dân tộc ít người đều có đóng góp vào lịch sử Trung Quốc. Dân số người Hán nhiều cũng là hình thành bởi sự lai máu của nhiều dân tộc trong quá trình lâu dài. Bọn thống trị phản động trong lịch sử, chủ yếu là bọn thống trị phản động người Hán, đã gây ra mọi sự ngăn cách giữa các dân tộc chúng ta, hiếp đáp dân tộc ít người. Ngay trong nhân dân lao động cũng không dễ dàng xóa bỏ nhanh chóng những ảnh hưởng do tình trạng đó gây ra. Cho nên, dù đối với cán bộ hay quần chúng nhân dân, chúng ta đều phải tiến hành giáo dục về chính sách dân tộc của giai cấp vô sản một cách rộng khắp và lâu dài, đồng thời phải luôn luôn chú ý kiểm tra quan hệ giữa dân tộc Hán với dân tộc ít người. Hai năm trước đã kiểm tra một lần, nay nên kiểm tra lại một lần nữa. Nếu thấy quan hệ không bình thường, thì phải nghiêm chỉnh xử lý, chứ đừng chỉ nói suông ngoài miệng.

Hệ thống quản lý kinh tế và hệ thống tài chính ở các vùng dân tộc ít người nên như thế nào mới thích hợp, việc đó cần phải nghiên cứu kỹ càng.

Chúng ta phải thật lòng thật dạ tích cực giúp đỡ các dân tộc ít người phát triển công cuộc xây dựng kinh tế và văn hóa. Tại Liên Xô, mối quan hệ giữa dân tộc Nga với dân tộc ít người rất không bình thường, chúng ta cần phải tiếp thu bài học này. Không khí trên trời, rừng rú trên mặt đất, tài nguyên quý báu trong lòng đất, đều là những nhân tố quan trọng cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, song mọi nhân tố vật chất,

VN 623/80

chỉ có qua nhân tố con người mới có thể khai thác và lợi dụng. Chúng ta cần phải xây dựng tốt mối quan hệ giữa dân tộc Hán với dân tộc ít người, củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc, cùng ra sức xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vĩ đại.

VII. QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NGOÀI ĐẢNG

Có một đảng hơn hay là có mấy đảng hơn? Nay xem ra, có lẽ nên có mấy đảng thì hơn. Không những trước kia như vậy, mà sau này cũng có thể như vậy, đó tức là cùng tồn tại lâu dài và giám sát lẫn nhau.

Ở nước ta, hiện nay vẫn tiếp tục tồn tại nhiều đảng phái dân chủ với thành phần chủ yếu là giai cấp tư sản dân tộc và những người trí thức thuộc giai cấp đó được hình thành trong cuộc kháng chiến chống Nhật và đấu tranh chống Tưởng Giới Thạch. Về điểm này chúng ta khác với Liên Xô. Chúng ta giữ lại các đảng phái dân chủ một cách có ý thức, để họ có dịp phát biểu ý kiến và thi hành phương châm vừa đoàn kết vừa đấu tranh đối với họ. Đối với tất cả những nhân sĩ dân chủ góp ý kiến cho chúng ta một cách thiện chí, chúng ta đều phải đoàn kết họ. Những nhân viên trong quân đội và chính quyền Quốc dân đảng có lòng yêu nước như Vệ Lập Hoàng, Ông Văn Hạo, chúng ta cần phải tiếp tục động viên tính tích cực của họ. Ngay những kẻ chửi chúng ta như bè lũ Long Vân, Lương Thấu Minh, Bành Nhất Hồ, chúng ta cũng phải nuôi chúng, cho phép chúng chửi, chửi vô lý, chúng ta bác lại, chửi có lý, chúng ta tiếp thu. Như vậy, đối với Đảng, đối với nhân dân, đối với chủ nghĩa xã hội có lợi hơn.

Hiện nay, Trung Quốc vẫn còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, cho nên không thể không có các phái đối lập với nhiều hình thức khác nhau. Tuy tất cả các đảng phái dân chủ và nhân sĩ dân chủ không đảng phái đều tỏ ý tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, song thực ra trong đó có nhiều người thuộc phái đối lập ở mức độ khác nhau. Trong các vấn đề như "tiến hành cách mạng đến cùng", giúp Triều chống Mỹ, cải cách ruộng đất v.v., họ vừa phản đối vừa không phản đối. Đối với vấn đề trấn áp bọn phản cách mạng, đến nay họ vẫn còn có ý kiến. Họ nói bản cương lĩnh chung hay tuyệt trần, không muốn đặt ra bản hiến pháp kiểu xã hội chủ nghĩa, nhưng khi bản hiến pháp được thảo ra, họ đều giơ tay tán thành. Sự vật thường đi đến mặt phản diện của nó, thái độ của các đảng phái dân chủ đối với nhiều vấn đề cũng vậy. Họ vừa là phái đối lập vừa không phải là phái đối lập, thường thường từ phản đối chuyển sang không phản đối.

Đảng Cộng sản và đảng phái dân chủ đều nảy sinh trong lịch sử. Hễ là những vật nảy sinh trong lịch sử, đều sẽ diệt vong trong lịch sử. Vì vậy, Đảng Cộng sản sẽ có ngày phải diệt vong, đảng phái dân chủ cũng sẽ có ngày phải diệt vong. Diệt vong thì khó chịu lắm sao? Theo tôi thì rất dễ chịu. Nếu đến ngày không cần Đảng Cộng sản và chuyên chính vô sản nữa, tôi thấy thật là tốt. Nhiệm vụ của chúng ta là phải thúc đẩy cho chúng diệt vong sớm hơn. Lý lẽ này, trước kia chúng ta đã nói nhiều lần rồi.

Song, hiện nay không những nhất thiết phải có chính đảng vô sản và chuyên chính vô sản, mà còn phải tiếp tục tăng cường thêm. Bằng không, không thể trấn áp bọn phản cách mạng,

không thể chống cự bọn đế quốc, không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội, dù có xây dựng cũng không thể củng cố. Lý luận của Lê-nin về chính đảng vô sản và chuyên chính vô sản quyết không phải "đã lỗi thời" như một số người nói. Chuyên chính vô sản không thể không mang tính chất cưỡng bức rất mạnh. Song cần phải chống chủ nghĩa quan liêu, chống bộ máy cồng kềnh. Với điều kiện không chết người và không lỡ việc, tôi đề nghị tinh giản bộ máy của Đảng và chính quyền, cắt bỏ hai phần ba.

Nhưng tinh giản bộ máy của Đảng và chính quyền không có nghĩa là không cần đảng phái dân chủ. Mong các đồng chí chú ý làm tốt công tác mặt trận thống nhất, cải thiện quan hệ giữa họ với chúng ta, tận khả năng động viên tính tích cực của họ để phục vụ chủ nghĩa xã hội.

VIII. QUAN HỆ GIỮA CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG

Phản cách mạng là nhân tố gì? Là nhân tố tiêu cực, nhân tố phá hoại, là lực lượng chống lại nhân tố tích cực. Phản cách mạng có thể chuyển biến không? Dĩ nhiên, một số tên phản cách mạng một mực ngoan cố sẽ không chuyển biến. Nhưng, với điều kiện của nước ta, phần lớn trong bọn chúng sau này sẽ có sự chuyển biến với mức độ khác nhau. Do chúng ta áp dụng chính sách đúng đắn, hiện nay đã có nhiều tên phản cách mạng được cải tạo thành những người không phản cách mạng, trong đó có một số người còn làm được một số việc có ích.

Có mấy điểm cần phải khẳng định:

Thứ nhất, cần phải khẳng định, cuộc trấn áp bọn phản cách mạng năm 1951 và năm 1952 là cần thiết. Có ý kiến cho rằng, cuộc trấn áp bọn phản cách mạng lần đó không nhất thiết phải tiến hành, ý kiến đó là sai.

Biện pháp đối xử với bọn phản cách mạng là: giết, giam, quản, thả. Giết, mọi người đều biết là như thế nào rồi. Giam, tức là giam lại để bắt đi lao động cải tạo. Quản, tức là cho sống trong xã hội để quần chúng quản thúc cải tạo. Thả, tức là đối với những kẻ bắt hay không bắt cũng được thì nói chung không bắt, hoặc những kẻ sau khi bị bắt, có biểu hiện tốt thì thả ra. Tùy theo tình hình cụ thể mà xử lý khác nhau đối với bọn phản cách mạng, đó là việc cần thiết.

Bây giờ chỉ nói về vấn đề giết. Cuộc trấn áp phản cách mạng lần đó đã giết một số, chúng là hạng người như thế nào? Là những tên phản cách mạng có nợ máu chồng chất và quần chúng hết sức căm thù. Một cuộc cách mạng lớn của 600 triệu nhân dân mà không giết những tên "đông bá thiên" và "tây bá thiên", thì nhân dân không thể vùng lên được. Nếu không có cuộc trấn áp đó, quần chúng sẽ không thể tán thành chính sách khoan hồng mà chúng ta áp dụng ngày nay. Giờ đây, có người nghe nói Sta-lin giết lầm một số người, liền nói chúng ta giết bọn phản cách mạng đó cũng là giết lầm, nói như vậy là không đúng. Phải khẳng định rằng việc giết trước kia là hoàn toàn đúng, hiện nay vẫn có ý nghĩa thực tế.

Thứ hai, cần phải khẳng định, vẫn còn những tên phản cách mạng, song đã bớt đi rất nhiều. Sau khi xảy ra vấn đề Hồ Phong, việc thanh trừ bọn phản cách mạng là cần thiết.

Có số chưa truy tầm ra, cần phải tiếp tục truy tầm. Phải khẳng định hiện nay còn có một số ít phản cách mạng. Chúng vẫn tiến hành các hoạt động phá hoại phản cách mạng, ví như làm chết trâu bò, đốt lương thực, phá hoại nhà máy, đánh cắp tình báo, dán biểu ngữ phản động, v.v. Cho nên, nói bọn phản cách mạng đã thanh trừ hết, không phải lo nghĩ gì nữa là không đúng. Miễn là ở Trung Quốc và trên thế giới còn đấu tranh giai cấp, thì mãi mãi không thể buông lơi cảnh giác. Nhưng, nói hiện nay vẫn còn rất nhiều tên phản cách mạng, thì cũng không đúng.

Thứ ba, sau này việc trấn áp bọn phản cách mạng ngoài xã hội, phải ít bắt và ít giết. Bọn phản cách mạng ngoài xã hội có mối thù trực tiếp với nhân dân, bị nhân dân căm ghét thấu xương, nên một số ít phản cách mạng vẫn phải giết. Đa số trong bọn chúng phải trao cho hợp tác xã nông nghiệp quản thúc, bắt tham gia sản xuất, lao động cải tạo. Song, chúng ta chưa thể tuyên bố một tên cũng không giết, chưa thể bãi bỏ tử hình.

Thứ tư, việc thanh trừ phản cách mạng trong cơ quan, trường học và bộ đội, phải kiên trì phương châm không giết và phần lớn không bắt đã từng thực hiện từ khi còn ở Diên An. Những tên phản cách mạng có chứng cớ hẳn hoi sẽ do cơ quan thẩm tra, nhưng sở công an không bắt, cơ quan kiểm sát không truy tố, và tòa án cũng không xét xử. Trong 100 tên phản cách mạng, chín mươi mấy tên được xử lý như vậy. Đó tức là phần lớn không bắt. Còn vấn đề giết, thì một tên cũng không giết.

Những kẻ như thế nào thì không giết? Những kẻ như Hồ Phong, Phan Hán Niên, Nhiêu Thấu Thạch không giết, ngay cả những tên tội phạm chiến tranh đã bị bắt như vua Tuyên Thống, Khang Trạch cũng không giết. Không giết chúng

không phải vì chúng không có tội đáng giết, mà là giết đi không lợi. Bọn người này, giết một tên, thì tên thứ hai, tên thứ ba, sẽ phải đưa ra so sánh, nhiều tên sẽ phải mất đầu. Đó là điều thứ nhất, điều thứ hai, có thể giết lầm người. Đầu lâu rơi xuống đất, lịch sử đã chứng minh là không thể nối lại được, cũng không giống như rau hẹ, cắt rồi lại mọc được, đã cắt lầm thì dù muốn sửa chữa cũng không còn cách nào nữa. Điều thứ ba, là mất bằng chứng. Trấn áp bọn phản cách mạng phải có bằng chứng. Thường thường tên phản cách mạng này là bằng chứng sống của tên phản cách mạng khác, khi có án gì ta có thể hỏi hắn. Nếu giết hắn đi, thì có thể không tìm đâu ra bằng chứng nữa. Như vậy chỉ có lợi cho bọn phản cách mạng mà không lợi cho cách mạng. Điều thứ tư, giết xong chúng, một là không thể tăng gia sản xuất, hai là không thể nâng cao trình độ khoa học, ba là không thể giúp ta trừ bốn hại, bốn là không thể tăng cường quốc phòng, năm là không thể thu hồi Đài Loan. Giết xong chúng, anh sẽ mang tiếng là giết tù binh, giết tù binh xưa nay đều mang tiếng xấu. Còn một điều nữa, bọn phản cách mạng trong cơ quan, khác với bọn phản cách mạng ngoài xã hội. Bọn phản cách mạng ngoài xã hội cưỡi đầu cưỡi cổ nhân dân, còn bọn phản cách mạng trong cơ quan cách nhân dân xa hơn, chúng có mối thù chung nhưng ít thù hằn trực tiếp. Đối với bọn này một tên cũng không giết thì có hại gì đâu? Những tên nào có thể lao động cải tạo thì đưa đi lao động cải tạo, số không lao động cải tạo được thì nuôi cho ăn. Bọn phản cách mạng là đồ bỏ, là sâu mọt, nhưng sau khi tóm được, lại có thể bắt chúng làm một ít việc cho nhân dân.

Song, có cần đặt ra luật pháp về không giết một tên phản cách mạng nào trong cơ quan hay không? Đó là chính sách trong

nội bộ của chúng ta, không cần công bố, trên thực tế tận sức làm là được. Giả thử có kẻ gài mìn, làm chết tất cả những người trong nhà này, hoặc chết một nửa hay một phần ba, như vậy có giết hay không? Tất nhiên phải giết.

Việc thanh trừ bọn phản cách mạng trong cơ quan thi hành phương châm một tên cũng không giết, không trở ngại đến thái độ nghiêm túc đối với bọn phản cách mạng của chúng ta. Nhưng, phương châm đó có thể đảm bảo khỏi mắc những sai lầm không cứu vãn được, nếu mắc sai lầm cũng có dịp sửa chữa, có thể làm yên tâm rất nhiều người, và tránh khỏi sự không tin cậy lẫn nhau giữa các đồng chí trong Đảng. Đã không giết thì phải cho ăn. Đối với tất cả bọn phản cách mạng, đều phải cho chúng con đường làm ăn sinh sống, để chúng có dịp trở thành con người mới. Làm như vậy, đối với sự nghiệp của nhân dân và ảnh hưởng quốc tế đều có lợi.

Việc trấn áp bọn phản cách mạng vẫn còn nhiều công tác gian khổ phải làm, chúng ta không được buông lơi. Từ nay trở đi, ngoài việc tiếp tục trấn áp bọn phản cách mạng ngoài xã hội, cần phải tiếp tục truy tầm tất cả những tên phản cách mạng trà trộn trong cơ quan, trường học và bộ đội. Nhất định phải phân rõ địch ta. Nếu để kẻ địch trà trộn vào hàng ngũ chúng ta, thậm chí chui vào cơ quan lãnh đạo của chúng ta, thì sẽ nguy hiểm biết mấy đối với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, đó là việc ai nấy đều rõ.

IX. QUAN HỆ GIỮA PHẢI VÀ TRÁI

Trong Đảng, ngoài Đảng đều phải phân rõ phải trái. Đối xử với những người phạm sai lầm như thế nào, đó là một vấn

đề quan trọng. Đối với những đồng chí phạm sai lầm, thái độ đúng đắn thì phải thi hành phương châm "răn trước ngừa sau, trị bệnh cứu người", giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, cho họ tiếp tục làm cách mạng. Trước kia, khi những kẻ theo chủ nghĩa giáo điều do Vương Minh cầm đầu nắm quyền, Đảng ta đã phạm sai lầm về vấn đề này, học đòi mặt không tốt của tác phong Sta-lin. Trong xã hội, họ không tranh thủ thế lực trung gian; trong Đảng, họ không cho người ta sửa chữa sai lầm, không cho làm cách mạng.

«A Q chính truyện» là một truyện ngắn hay, tôi khuyên đồng chí nào đã đọc rồi nên đọc lại một lần nữa, đồng chí nào chưa đọc thì hãy đọc kỹ. Trong truyện này, Lỗ Tấn chủ yếu viết về một nông dân lạc hậu, không giác ngộ. Ông chuyên viết một chương "không cho làm cách mạng", nói về lão tây giả không cho A Q làm cách mạng. Thực ra, cái gọi là làm cách mạng của A Q hồi ấy, chẳng qua là muốn kiếm chác đôi chút như những người khác mà thôi. Thế nhưng, thứ cách mạng như vậy mà lão tây giả cũng không cho làm. Tôi cho rằng, về điểm này, có một số người khá giống lão tây giả. Họ không cho những người phạm sai lầm làm cách mạng, không phân rõ ranh giới giữa phạm sai lầm với phản cách mạng, thậm chí đã giết một số người phạm sai lầm. Chúng ta phải ghi nhớ bài học đó. Dù là trong xã hội không cho người ta làm cách mạng, hay ở trong Đảng không cho những đồng chí phạm sai lầm sửa chữa sai lầm, đều là không tốt.

Đối với những đồng chí phạm sai lầm, có người nói phải xem họ có sửa chữa hay không. Tôi cho rằng, chỉ xem thôi vẫn chưa đủ, còn phải giúp họ sửa chữa. Đó tức là, một phải

xem, hai phải giúp. Người ta ai cũng cần được giúp đỡ, những người không phạm sai lầm cần được giúp đỡ, những người đã phạm sai lầm lại càng cần được giúp đỡ. Nói chung người ta không ai không phạm sai lầm, ít nhiều cũng có phạm sai lầm, sau khi phạm sai lầm thì cần được giúp đỡ. Chỉ xem thôi là tiêu cực, phải tạo mọi điều kiện giúp họ sửa chữa. Sự phải trái nhất định phải làm cho rành rọt, bởi vì những tranh luận về nguyên tắc ở trong Đảng là sự phản ánh đấu tranh giai cấp ngoài xã hội vào trong Đảng, không được phép hàm hồ. Tùy theo tình hình mà có sự phê bình đúng mức và phù hợp với thực tế, thậm chí có sự đấu tranh cần thiết đối với những đồng chí phạm sai lầm, đó là điều bình thường, nhằm giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm. Đối với những đồng chí phạm sai lầm, không giúp đỡ họ mà lại tỏ vẻ hí hửng, đó tức là chủ nghĩa bè phái.

Đối với cách mạng, người đông một chút bao giờ cũng vẫn hơn. Những người phạm sai lầm, trừ một số rất ít khăng khăng bám lấy sai lầm, giáo dục nhiều lần mà vẫn không chịu sửa chữa, còn đại đa số đều có thể sửa chữa sai lầm. Cũng như những người bị bệnh thương hàn đều có thể miễn dịch, những người từng phạm sai lầm, nếu biết rút ra bài học thì cũng có thể ít mắc sai lầm. Trái lại, những người chưa phạm sai lầm lại dễ mắc sai lầm, bởi vì họ dễ kiêu căng vênh váo. Chúng ta phải chú ý, đối với những người phạm sai lầm, nếu chỉnh họ quá đáng thì thường là bản thân cũng sẽ bị chỉnh. Cao Cương vốn định vác đá ghè người khác, rút cuộc lại là tự đánh đổ mình. Đối xử tốt bụng với những người phạm sai lầm, có thể được lòng người, và đoàn kết được mọi người. Đối với những đồng chí phạm sai lầm, giúp đỡ họ hay thù địch họ,

đó là một tiêu chuẩn để phân biệt một người tốt bụng hay xấu bụng.

Phương châm "răn trước ngừa sau, trị bệnh cứu người" là phương châm đoàn kết toàn Đảng, chúng ta phải kiên trì phương châm đó.

X. QUAN HỆ GIỮA TRUNG QUỐC VỚI NƯỚC NGOÀI

Chúng ta nêu khẩu hiệu học tập nước ngoài, tôi cho là đúng. Hiện nay, có những người lãnh đạo ở một số nước không muốn, thậm chí không dám nêu ra khẩu hiệu đó. Nêu khẩu hiệu như vậy phải có một chút can đảm, tức là phải bỏ cái điệu bộ ta đây trên sân khấu.

Phải nhận rằng, mỗi dân tộc đều có ưu điểm của nó, nếu không thì nó làm sao tồn tại được? Làm sao phát triển được? Đồng thời, mỗi dân tộc cũng có nhược điểm của nó. Có người tưởng rằng chủ nghĩa xã hội đã là ghê gớm lắm, một chút khuyết điểm cũng không có. Làm gì có chuyện như vậy? Phải nhận rằng bao giờ cũng có hai mặt ưu điểm và khuyết điểm. Các bí thư chi bộ Đảng ta, các đại đội trưởng, trung đội trưởng trong bộ đội, đều biết ghi vào sổ tay rằng, tổng kết kinh nghiệm hôm nay có hai mặt, một là ưu điểm, một là khuyết điểm. Họ đều biết có hai mặt, tại sao chúng ta chỉ nêu có một mặt? Một vạn năm đều có hai mặt. Sau này có hai mặt của sau này, hiện nay có hai mặt của hiện nay, mỗi người đều có hai mặt của mình. Tóm lại, là hai mặt chứ không phải một mặt. Nói chỉ có một mặt, tức là chỉ biết một, không biết hai.

Phương châm của chúng ta là, ưu điểm của tất cả các dân tộc, các nước đều phải học, tất cả mọi thứ tốt thật sự về chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật đều phải học. Song, phải học một cách có phân tích, có phê phán, không thể học một cách mù quáng, không thể chép lại nguyên si, rập khuôn một cách máy móc. Những cái dở, những khuyết điểm của họ, tất nhiên là không nên học theo.

Đối với kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, cũng phải có thái độ như vậy. Trước kia có một số người của chúng ta không hiểu rõ, những cái dở của người khác cũng học theo. Khi đã học đến mức tưởng chừng là ghê gớm lắm thì những cái đó người ta đã bỏ đi, kết quả lộn nhào một cái như Tôn Ngộ Không vậy. Ví dụ, trước kia vì Liên Xô đặt bộ điện ảnh, cục văn hóa, còn ta thì đặt bộ văn hóa, cục điện ảnh, có người cho rằng việc đó chúng ta đã phạm sai lầm về nguyên tắc. Họ không ngờ đến, sau đó không bao lâu Liên Xô cũng đổi thành bộ văn hóa như chúng ta. Có một số người đối với mọi sự vật đều không phân tích, hoàn toàn quay theo "chiều gió". Hôm nay thổi gió bắc, họ là phái theo gió bắc, ngày mai thổi gió tây, họ trở thành phái theo gió tây, sau đó lại thổi gió bắc, họ lại quay về phái theo gió bắc. Bản thân họ không mảy may định kiến, thường thường đi từ cực đoan này đến cực đoan khác.

Ở Liên Xô, những kẻ trước đây tâng bốc Sta-lin lên đến mây xanh, giờ đây lại dìm Sta-lin xuống tận vực thẳm. Ở nước ta cũng có kẻ a dua theo. Trung ương nhận định Sta-lin có ba phần sai lầm, bảy phần thành tích, nói chung vẫn là người mác-xít vĩ đại, dựa theo sự nhận xét đó đã viết ra «*Những kinh*

nghiệm lịch sử về chuyên chính vô sản». Sự đánh giá về ba phần sai lầm, bẩy phần thành tích là tương đối đúng mực. Sta-lin từng làm một số việc sai đối với Trung Quốc. Chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh Vương Minh cuối thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai và chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh Vương Minh đầu thời kỳ chiến tranh chống Nhật đều do Sta-lin mà ra. Trong thời kỳ chiến tranh giải phóng, lúc đầu Sta-lin không cho chúng ta làm cách mạng, nói rằng nếu nổ ra nội chiến thì dân tộc Trung Hoa có nguy cơ bị hủy diệt. Khi xảy ra đánh nhau, Sta-lin đối với chúng ta nửa tin nửa ngờ. Khi đã đánh thắng, Sta-lin lại hoài nghi thắng lợi của chúng ta là thắng lợi kiểu Ti-tô, hai năm 1949, 1950, đã gây sức ép rất mạnh cho chúng ta. Thế nhưng, chúng ta vẫn cho rằng Sta-lin có ba phần sai lầm, bẩy phần thành tích. Đánh giá như vậy là công bằng.

Về khoa học xã hội, chủ nghĩa Mác—Lê-nin, những điều Sta-lin nói đúng, chúng ta nhất định phải tiếp tục cố gắng học tập. Chúng ta cần học những điều thuộc về chân lý phổ biến, đồng thời học tập nhất định phải kết hợp với thực tế Trung Quốc. Nếu mỗi câu nói, kể cả những lời của Mác, đều bệ nguyên si, thì thật là nguy hiểm. Lý luận của chúng ta là chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin kết hợp với thực tiễn cụ thể của cách mạng Trung Quốc. Trong Đảng có một số người trong một thời kỳ từng làm theo chủ nghĩa giáo điều, hồi đó chúng ta đã phê bình cái đó. Nhưng, hiện nay cũng vẫn còn. Trong giới học thuật hay giới kinh tế cũng vậy, đều vẫn có chủ nghĩa giáo điều.

Về khoa học tự nhiên, chúng ta tương đối lạc hậu, đặc biệt phải cố gắng học tập nước ngoài. Song, cũng phải học một cách có phê phán, không thể học một cách mù quáng. Về mặt kỹ thuật, tôi thấy phần lớn hãy làm theo trước đã, bởi vì những thứ đó bây giờ chúng ta chưa có, chưa nắm vững, học được thì tương đối có lợi. Song, những thứ đã nắm được, thì không nên việc gì cũng rập khuôn.

Chúng ta phải kiên quyết tẩy chay và phê phán mọi chế độ mục nát và tác phong tư tưởng của giai cấp tư sản nước ngoài. Song, điều đó không trở ngại đến việc chúng ta học tập những khoa học kỹ thuật tiên tiến và những điều hợp với khoa học trong phương pháp quản lý xí nghiệp của các nước tư bản. Các xí nghiệp của những nước có nền công nghiệp phát triển, dùng người ít, hiệu suất cao, biết buôn bán, những cái đó đều nên cố gắng học hỏi một cách có nguyên tắc nhằm giúp chúng ta cải tiến công tác. Hiện nay, những người học Anh văn cũng chẳng nghiên cứu Anh văn nữa, luận án học thuật cũng chẳng dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật để trao đổi với người ta nữa. Đó cũng là một thứ mê tín. Đối với khoa học, kỹ thuật và văn hóa nước ngoài, gạt bỏ tất cả mà không phân tích cũng như đối với tất cả những gì của nước ngoài đều bệ nguyên si mà không phân tích như trên đã nói, đều không phải là thái độ mác-xít, không có lợi cho sự nghiệp chúng ta.

Tôi cho rằng, Trung Quốc có hai khuyết điểm, đồng thời cũng là hai ưu điểm.

Một, trước kia Trung Quốc là thuộc địa, nửa thuộc địa, không phải là đế quốc, luôn luôn bị người ta hiếp đáp. Công nông nghiệp không phát triển, trình độ khoa học kỹ thuật kém,

ngoài điều kiện đất rộng, của nhiều, người đông, có lịch sử lâu đời, và về văn học có bộ *«Hồng lâu mộng»* v.v., còn rất nhiều mặt không bằng người khác, không sao kiêu căng được. Song, một số người làm nô lệ đã lâu, cảm thấy cái gì cũng không bằng người ta, co ro trước người nước ngoài, như Giả Quế trong vở kịch *«Pháp môn tự»* vậy, người ta mời ngồi, y nói đứng đã quen, không muốn ngồi. Về mặt này, phải hăng lên một chút, phải nâng cao lòng tự tin của dân tộc, phát huy tinh thần "coi thường đế quốc Mỹ" đã được đề xướng trong cuộc giúp Triều, chống Mỹ.

Hai, cách mạng của chúng ta tiến hành muộn hơn. Tuy cách mạng Tân Hợi đánh đổ vua chúa sớm hơn nước Nga, nhưng hồi đó chưa có Đảng Cộng sản, cuộc cách mạng đó cũng đã thất bại. Cuộc cách mạng nhân dân thắng lợi vào năm 1949, muộn hơn 30 năm so với cách mạng tháng Mười của Liên Xô. Về mặt này, cũng không đến lượt chúng ta kiêu căng. Liên Xô khác với chúng ta: một, nước Nga Sa hoàng là đế quốc; hai, sau đó lại có cuộc cách mạng tháng Mười. Bởi vậy nhiều người Liên Xô rất kiêu căng, rất vênh váo.

Hai khuyết điểm đó của chúng ta cũng là hai ưu điểm. Tôi từng nói, chúng ta một "nghèo" hai "trắng". "Nghèo" tức là không có bao nhiêu công nghiệp, nông nghiệp cũng không phát triển. "Trắng" tức là một tờ giấy trắng, trình độ văn hóa, trình độ khoa học đều không cao. Xét theo quan điểm phát triển, đó không phải là điều xấu. Nghèo thì phải làm cách mạng, giàu mà làm cách mạng thì khó khăn. Những nước có trình độ khoa học kỹ thuật cao thì rất kiêu căng. Chúng ta như một tờ giấy trắng, càng tốt cho sự viết lách.

Bởi vậy, hai điều đó đều có lợi cho chúng ta. Sau này đất nước ta đã trở nên giàu mạnh, chúng ta nhất định vẫn phải kiên trì lập trường cách mạng, vẫn phải khiêm tốn thận trọng, vẫn phải học tập người khác, không nên vênh váo. Không những trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phải học tập người khác, mà sau khi đã thực hiện mấy chục kế hoạch 5 năm cũng vẫn phải học tập người khác. Một vạn năm sau vẫn phải học tập! Điều đó có gì không tốt?

Tôi nói cả thảy mười vấn đề. Mười quan hệ đó đều là mâu thuẫn. Thế giới do mâu thuẫn tạo nên. Không có mâu thuẫn thì không có thế giới. Nhiệm vụ của chúng ta là phải giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn đó. Trong thực tiễn, những mâu thuẫn đó có hoàn toàn giải quyết được tốt hay không, cũng phải chuẩn bị hai khả năng, hơn nữa trong quá trình giải quyết những mâu thuẫn đó, nhất định còn gặp những mâu thuẫn mới, những vấn đề mới. Song, như chúng ta vẫn thường nói đường đi bao giờ cũng quanh co, tương lai bao giờ cũng sáng sủa. Chúng ta nhất định phải cố gắng động viên mọi nhân tố tích cực trong và ngoài Đảng cũng như trong và ngoài nước, những nhân tố tích cực trực tiếp và gián tiếp, để xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường.

毛 泽 东
论 十 大 关 系
*
外文出版社出版（北京）
1977年（32开）第一版
编号：（越）1050—2337
00020
1—V—966P

VN80.00623